

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HÀ NỘI VÀ NGHIÊN CỨU HÀ NỘI VỚI TƯ CÁCH MỘT KHÔNG GIAN LỊCH SỬ - VĂN HÓA

PGS. TS Vũ Văn Quân

*Đại học Quốc gia Hà Nội*

## 1. Các “lớp” Hà Nội

Hà Nội chuẩn bị kỷ niệm một nghìn năm Thăng Long - Hà Nội. Một nghìn năm tính từ ngày Lý Công Uẩn định đô năm 1010 để Hà Nội chính thức trở thành kinh đô - trung tâm chính trị - hành chính của quốc gia độc lập người Việt, nhưng lịch sử Hà Nội thì dài hơn thế, trước đó hàng ngàn năm, ngay cả vai trò trung tâm chính trị - hành chính cũng thế, đã có trước đó ít nhất một nửa thiên niên kỷ. Nhưng đó là Hà Nội nào?

Cho đến nay, ít nhất là có tới ba “lớp” Hà Nội: lớp thứ nhất, tạm gọi là “Hà Nội - Thăng Long”, lớp thứ hai, tạm gọi là “Hà Nội - địa phương” và lớp thứ ba, tạm gọi là “Hà Nội - vùng”.

### 1.1. Lớp thứ nhất: “Hà Nội - Thăng Long”

Gọi “Hà Nội - Thăng Long” là để chỉ phần Hà Nội gắn với kinh thành Thăng Long xưa. Đây là phần nhân lõi và về mặt hành chính là phần ổn định, có chiều dài lịch sử nhất của Hà Nội, tương đương với các quận nội thành Hà Nội phía bên này sông Hồng hiện nay (các quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa, phần lớn quận Tây Hồ và một phần các quận Cầu Giấy, Thanh Xuân, Hoàng Mai). Phần nhân lõi này phần lớn được “cố định hóa” trong các đơn vị hành chính, nhưng cũng có phần “lan tỏa” ra xung quanh, tạo thành một “vùng đệm” giữa đô thị Thăng Long - Hà Nội với các làng xã ven đô.

Thế kỷ VI, sau khởi nghĩa chống Lương thắng lợi, mùa xuân năm 544, Lý Bí xưng đế (Lý Nam Đế), lập nước Vạn Xuân, dựng thành lũy ở vùng trung tâm Hà Nội, dựng chùa Khai Quốc (tiền thân của chùa Trấn Quốc trên Hồ Tây). Như vậy, ngay từ giữa thế kỷ VI, vị thế chiến lược của vùng trung tâm Hà Nội đã được người Việt phát hiện. Từ thế kỷ VII đến đầu thế kỷ X, dưới thời đô hộ Tùy - Đường, chính quyền phong kiến Trung Hoa cũng chuyển trị sở về đây, xây dựng hệ thống thành lũy (Tử Thành năm 621, La Thành năm 789, Đại La Thành năm 866). Các chính quyền tự chủ họ Khúc, họ Dương tiếp tục đóng thủ phủ ở thành Đại La. Như vậy, từ trước ngày Lý Công Uẩn định đô, vùng đất trung tâm Hà Nội ngày nay đã được lựa chọn làm thủ phủ hành chính, của nhà nước độc lập Vạn Xuân, của các chính quyền đô hộ Tùy Đường và của các chính quyền tự chủ họ Khúc, họ Dương. Quá trình đô thị hóa đã diễn ra với sự tập trung của bộ máy hành chính nhà nước, quân đội, sự tập trung dân cư, phát triển kinh tế và hội tụ văn hóa.

Năm 1010, qua hơn một thế kỷ nỗ lực không ngừng, nền độc lập và thống nhất quốc gia của người Việt được xác lập tương đối vững chắc, làm tiền đề để Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La với tư duy cầm quyền dựa trên quan điểm phát triển, lấy phát triển để tạo ra khả năng phòng thủ. Vùng trung tâm Hà Nội chính thức đảm lãnh sứ mệnh lịch sử kinh đô của quốc gia độc lập người Việt. Quy hoạch lãnh thổ hành chính Thăng Long thời Lý - Trần và mãi về sau này vẫn cơ bản dựa trên vùng Đại La thời kỳ trước đó, hay như cách dân gian xác định: “Nhị Hà quanh bắc sang đông; Kim Ngưu, Tô Lịch là sông bên này”.

Dưới thời Lý, cấp hành chính vùng là lộ (năm 1010 đổi cả nước từ 10 đạo thành 24 lộ), Thăng Long không thuộc một lộ nào mà trực thuộc chính quyền trung ương. Sang thời Trần, cấp hành chính vùng vẫn là lộ (hoặc phủ), Thăng Long vẫn không thuộc một lộ (hoặc phủ) nào mà trực thuộc chính quyền trung ương. Không có thông tin về tên gọi và phạm vi của khu vực hành chính kinh thành, nhưng căn cứ vào số lượng 61 phường hai bên tả hữu mà nhà Trần bắt trước nhà Lý đặt năm 1230 và vị trí một số phường đã xác định được thì cũng vẫn chỉ giới hạn trong phạm vi vùng Đại La xưa. Đến thời Lê sơ, năm 1466, khu vực kinh thành chính thức đặt thành phủ Trung Đô (năm 1469 đổi thành phủ Phụng Thiên), gồm hai huyện là Vĩnh Xương và Quảng Đức, mỗi huyện bao gồm 18 phường. Cơ cấu này cơ bản được duy trì cho đến cuối thế kỷ XVIII dưới thời Mạc và

Lê - Trịnh, trừ một thay đổi: đổi tên huyện Vĩnh Xương thành Thọ Xương trong khoảng những năm 1541 - 1546.

Thời Tây Sơn và Nguyễn, kinh đô chuyển vào Phú Xuân - Huế. Tuy nhiên, thời kỳ đầu, vẫn duy trì phủ Phụng Thiên gồm hai huyện là Thọ Xương và Quảng Đức; đến năm 1805 đổi phủ Phụng Thiên thành phủ Hoài Đức và đổi huyện Quảng Đức thành huyện Vĩnh Thuận, lệ vào Bắc Thành (năm 1831 khi đặt tỉnh Hà Nội, phủ Hoài Đức kiêm thêm huyện Từ Liêm). Năm 1831, Minh Mệnh cải cách hành chính xóa bỏ Bắc Thành và Gia Định thành (Nam Bộ), chia đặt tỉnh trực thuộc chính quyền trung ương. Tỉnh Hà Nội được thành lập, thành Thăng Long trở thành thủ phủ của tỉnh Hà Nội<sup>1</sup>. Về phạm vi không gian, huyện Vĩnh Xương (Thọ Xương) tương đương với khu vực phía đông kinh thành (bao gồm chủ yếu quận Hoàn Kiếm và một phần quận Hai Bà Trưng hiện nay); huyện Quảng Đức (Vĩnh Thuận) tương đương với khu vực phía bắc và phía tây kinh thành (bao gồm một phần quận Tây Hồ, quận Ba Đình và quận Đống Đa hiện nay).

Năm 1888, Hà Nội trở thành thành phố nhượng địa của Pháp. Về quy hoạch lãnh thổ hành chính, khu vực nội thành của thành phố nhượng địa về cơ bản bao gồm huyện Thọ Xương cũ, còn khu vực ngoại thành, theo Nghị định ngày 14 tháng 7 năm 1899 về việc thành lập khu vực ngoại thành Hà Nội, địa bàn gồm những xã thuộc huyện Vĩnh Thuận nằm ngoài địa giới thành phố Hà Nội, một số xã thuộc hai huyện Từ Liêm (phủ Hoài Đức), Thanh Trì (phủ Thường Tín) của tỉnh Hà Nội<sup>2</sup>. Như vậy, phạm vi thành phố Hà Nội vẫn bao gồm hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận dưới thời Nguyễn. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến thời điểm 1961 khi Hà Nội được mở rộng lần thứ nhất, dù có giãn nở một phần làm thành vùng ngoại thành nhưng Hà Nội về cơ bản vẫn dựa trên phần không gian lãnh thổ hành chính của thành phố Hà Nội thời Pháp thuộc.

Như vậy, ở “lớp thứ nhất” hay “Hà Nội - Thăng Long” là phần không gian lãnh thổ hành chính hay rộng hơn là không gian lịch sử - văn hóa ổn

- 1 Hà Nội là một tỉnh lớn gồm 4 phủ, 15 huyện: Phủ Hoài Đức (3 huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận, Từ Liêm), phủ Thường Tín (3 huyện Thượng Phúc, Thanh Trì, Phú Xuyên), phủ Ứng Hòa (4 huyện Sơn Minh, Hoài An, Chương Đức, Thanh Oai) và phủ Lý Nhân (5 huyện Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm, Bình Lục, Nam Xang).
- 2 Ngày 10 tháng 2 năm 1914, đổi gọi khu vực ngoại thành Hà Nội thành huyện Hoàn Long, trực thuộc tỉnh Hà Đông; ngày 25 tháng 8 năm 1942 tách huyện Hoàn Long ra khỏi tỉnh Hà Đông sáp nhập vào thành phố Hà Nội, biến thành nhượng địa của Pháp; ngày 31 tháng 12 năm 1942 gọi khu nhượng địa Hoàn Long là Đại lý đặc biệt Hà Nội do Đốc lý Hà Nội cai trị.

định trong hầu hết thời gian hình thành và phát triển của đô thị này. Đó là vùng trung tâm Hà Nội ngày nay, với 61 phường rồi 36 phường hay từ cuối XIX đầu XIX xé nhỏ thành hàng trăm đơn vị phường, trại, xã, thôn, với hai huyện và một phủ. Tính chất ổn định về không gian lãnh thổ hành chính của khu vực kinh thành trong suốt thời kỳ trung đại là nhân tố quyết định hình thành và ổn định sắc thái Thăng Long trên nhiều phương diện, nhất là về mặt văn hóa.

### **1.2. Lớp thứ hai: “Hà Nội - địa phương”**

“Hà Nội - địa phương” là khái niệm tạm dùng để chỉ thành phố Hà Nội với tư cách một đơn vị hành chính lãnh thổ trực thuộc Trung ương bao gồm cả khu vực nội thành và khu vực ngoại thành. Nếu khu vực nội thành tương đương với phần “Hà Nội - Thăng Long” có mở rộng dần theo lối “lan tỏa” ra xung quanh nhưng chưa dẫn đến sự thay đổi lãnh thổ hành chính thì khu vực ngoại thành chính là phần luôn có sự co giãn trong hơn một nửa thế kỷ qua. Cho đến nay (2008), sau gần nửa thế kỷ (tính từ 1961), phạm vi lãnh thổ hành chính thành phố Hà Nội đã trải qua bốn lần điều chỉnh lớn:

**Lần thứ nhất vào năm 1961:** Đây là mốc đánh dấu sự thay đổi lớn đầu tiên về không gian lãnh thổ hành chính thành phố Hà Nội. Sau Cách mạng tháng Tám, Hà Nội được chọn làm Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, về cơ bản là thành phố Hà Nội thời Pháp thuộc. Những năm đầu sau giải phóng Hà Nội chưa có sự điều chỉnh lớn nào trong quy hoạch lãnh thổ hành chính Hà Nội. Tuy nhiên, với tư cách Thủ đô, với định hướng phát triển Hà Nội thành “... trung tâm chính trị và văn hóa của cả nước, và là một thành phố công nghiệp và một trung tâm kinh tế”<sup>1</sup>, việc mở rộng Hà Nội là một yêu cầu khách quan.

Thực hiện Nghị quyết số 98 NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ngày 4 tháng 1 năm 1960 (họp ngày 12 tháng 9 năm 1959) về quy hoạch cải tạo và mở rộng thành phố Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 1961, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua Nghị quyết về việc mở rộng thành phố Hà Nội, sáp nhập vào

---

1 Nghị quyết số 98-NQ/TW của Bộ Chính trị Trung ương Đảng lao động Việt Nam ngày 4/1/1960 (họp ngày 12/9/1959) về quy hoạch cải tạo và mở rộng thành phố Hà Nội.

thành phố Hà Nội một số khu vực thuộc các tỉnh Hà Đông<sup>1</sup>, Bắc Ninh<sup>2</sup>, Vĩnh Phúc<sup>3</sup> và Hưng Yên<sup>4</sup>. Sau đợt điều chỉnh này, thành phố Hà Nội bao gồm bốn khu phố nội thành (Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa, gần như trùng với hai huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận hay thành phố Hà Nội nhượng địa thời Pháp thuộc, tức phần “Hà Nội - Thăng Long” và bốn huyện ngoại thành (Thanh Trì, Từ Liêm bên này sông Hồng và Gia Lâm, Đông Anh bên kia sông Hồng). Không gian lãnh thổ hành chính này duy trì trong khoảng thời gian 18 năm (1961 - 1979).

**Lần thứ hai vào năm 1979:** Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, do ảnh hưởng của quan niệm mang tính cơ học về một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, và nhiều lý do khác nữa, đã diễn ra sự điều chỉnh ồ ạt về lãnh thổ hành chính trên phạm vi cả nước. Trong bối cảnh đó, địa giới hành chính thành phố Hà Nội cũng được điều chỉnh.

Nghị quyết của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 29 tháng 12 năm 1978 phê chuẩn việc phân vạch lại địa giới thành phố Hà Nội (cùng với thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Hà Sơn Bình, Vĩnh Phú, Cao Lạng, Bắc Thái, Quảng Ninh và Đồng Nai). Theo đó, sáp nhập một số huyện, thị xã, xã và thị trấn của tỉnh Hà Sơn Bình và tỉnh Vĩnh Phú vào thành phố Hà Nội: tỉnh Hà Sơn Bình gồm các huyện Ba Vì, Phúc Thọ, Thạch Thất, Đan Phượng, Hoài Đức, thị xã Sơn Tây và thị xã Hà Đông<sup>5</sup>; tỉnh

- 1 18 xã, 6 thôn và 1 thị trấn thuộc tỉnh Hà Đông: Xã Tân Dân, xã Tân Tiến, xã Trung Kiên, xã Minh Khai, xã Trần Phú của huyện Đan Phượng; xã Hữu Hưng, xã Cương Kiên, xã Xuân Phương, thôn Tu Hoàng, thôn Miếu Nha của huyện Hoài Đức; thôn Ngọc Trục của thị xã Hà Đông; xã Thanh Liệt, xã Hoàng Liệt, xã Tam Hiệp, xã Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, xã Yên Mỹ, xã Duyên Hà, xã Đại Hưng, xã Đồng Mỹ, xã Vạn Phúc, thôn Lưu Phái, thôn Triều Khúc, thôn Yên Xá, thị trấn Văn Điển của huyện Thanh Trì.
- 2 29 xã và thị trấn thuộc tỉnh Bắc Ninh: Cả huyện Gia Lâm gồm 15 xã; xã Liên Hà, xã Văn Hà, xã Dục Tú, xã Quang Trung, xã Đông Hội, xã Mai Lâm, xã Tiên Phong, xã Đình Xuyên, xã Dương Hà, xã Ninh Hiệp, thị trấn Yên Viên của huyện Từ Sơn; xã Phù Đổng, xã Trung Hưng của huyện Tiên Du xã Đức Thắng, xã Chiến Thắng của huyện Thuận Thành.
- 3 17 xã và một nửa thôn của tỉnh Vĩnh Phúc: cả huyện Đông Anh gồm 16 xã; xã Kim Chung của huyện Yên Lãng; nửa thôn Phù Lỗ Đoài về phía Nam sông Cà Lồ của huyện Kim Anh.
- 4 Xã Văn Đức của huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên.
- 5 Ngoài ra còn có các xã: xã Tiên Phương, xã Phụng Châu, phần Bắc đường số 6 thuộc xã Ngọc Hoà và xã Ngọc Sơn của huyện Chương Mỹ; xã Hữu Hòa và phần Bắc đường số 6 thuộc xã Phú Lâm của huyện Thanh Oai; các xã Liên Minh, Việt Hưng, Thanh Hưng và Đại Thanh của huyện Thường Tín; các xã Tam Hiệp, Hiệp Thuận, Liên Hiệp, Cộng Hoà, Tân Hoà, Tân Phú và Đại Thành của huyện Quốc Oai.

Vĩnh Phú gồm huyện Sóc Sơn và phần lớn huyện Mê Linh<sup>1</sup>. Sau lần điều chỉnh này, thành phố Hà Nội vẫn bao gồm 4 khu phố nội thành nhưng có tới 10 huyện ngoại thành (Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Mê Linh, Thanh Trì, Từ Liêm, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Phúc Thọ, Ba Vì) và 2 thị xã (Hà Đông, Sơn Tây). Không gian lãnh thổ hành chính này duy trì trong khoảng thời gian 12 năm (1979 - 1991).

**Lần thứ ba vào năm 1991:** Sau 12 năm mở rộng địa giới hành chính, rất nhiều bất cập đặt ra, nhất là trong thời kỳ khó khăn và khủng hoảng kinh tế trầm trọng thập niên tám mươi của thế kỷ trước. Thông báo số 170-TB/TW ngày 25 tháng 11 năm 1989 về kết luận của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã phản ánh rõ điều này:

“1. Địa giới của Thành phố Hà Nội hiện nay không hợp lý, phạm vi ngoại thành quá rộng. Với diện tích ngoại thành gấp 49 lần nội thành, dân số ngoại thành gấp hai lần nội thành, Hà Nội mang nặng tính chất của một tỉnh nông nghiệp, sự chỉ đạo của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố bị phân tán trải ra trên cả lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp, đô thị và nông thôn, không phù hợp với tính chất và vai trò của Hà Nội là một Thủ đô.

Những lý do trước đây được dùng làm cơ sở để quyết định mở rộng ranh giới Thủ đô Hà Nội, dự kiến phát triển Hà Nội thành một đơn vị kinh tế công - nông nghiệp, nhấn mạnh đến yêu cầu thành phố tự cân đối một phần quan trọng các nhu cầu phát triển, nay không còn thích hợp.

2. Trong tình hình mới, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và xây dựng Hà Nội xứng đáng là một Thủ đô, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật của cả nước, Bộ Chính trị nhất trí cần điều chỉnh ranh giới ngoại thành Hà Nội, xác định lại địa giới hành chính của Thành phố Hà Nội gồm những đơn vị sau đây: 4 quận nội thành: Ba Đình, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Đống Đa; 4 huyện ngoại thành: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Từ Liêm”.

Trên tinh thần đó, Nghị quyết của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VIII, kỳ họp thứ 9 ngày 12 tháng 8 năm 1991 đã thông qua việc điều chỉnh địa giới một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó Hà Nội: chuyển huyện Mê Linh về tỉnh Vĩnh Phú, chuyển

---

1 Các xã: xã Chu Phan, Đại Thịnh, Liên Mạc, Mê Linh, Tam Đồng, Thạch Đà, Thanh Lâm, Tiền Châu, Tiền Phong, Tiến Thắng, Tiến Thịnh, Tự Lập, Tráng Việt, Hoàng Kim, Văn Khê, Vạn Yên, Quang Minh, Kim Hoa và thị trấn Phúc Yên thuộc huyện Mê Linh.

thị xã Sơn Tây và 5 huyện: Hoài Đức, Phúc Thọ, Đan Phượng, Ba Vì, Thạch Thất về tỉnh Hà Tây. Đến đây, địa giới hành chính thành phố Hà Nội gần như trở về với thời điểm lần mở rộng năm 1961 (chỉ thêm huyện Sóc Sơn). Không gian lãnh thổ hành chính này duy trì trong khoảng thời gian 17 năm (1991 - 2008).

**Lần thứ tư - năm 2008:** Tính đến thời điểm 2008, địa giới hành chính thành phố Hà Nội, cơ bản tương đương với lần điều chỉnh mở rộng đầu tiên, đã qua 47 năm. Quá trình phát triển (công nghiệp hóa, đô thị hóa) đòi hỏi phải mở rộng địa giới hành chính cho Hà Nội. Trên cơ sở chủ trương của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 29 tháng 5 năm 2008 quyết định điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan, theo đó: hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên là 219.341,11 ha và dân số hiện tại là 2.568.007 người của tỉnh Hà Tây vào thành phố Hà Nội; chuyển toàn bộ huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc về thành phố Hà Nội, bao gồm diện tích tự nhiên là 14.164,53 ha và dân số hiện tại là 187.255 người; chuyển toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số hiện tại của 4 xã thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình về thành phố Hà Nội<sup>1</sup>.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, thành phố Hà Nội có diện tích tự nhiên là 334.470,02 ha và dân số hiện tại là 6.232.940 người, bao gồm diện tích tự nhiên và dân số hiện tại của các quận Hoàn Kiếm, Đống Đa, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Tây Hồ, Cầu Giấy, Hoàng Mai, Long Biên, Thanh Xuân, các huyện Đông Anh, Từ Liêm, Sóc Sơn, Gia Lâm, Thanh Trì, Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Hoài Đức, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất, Thanh Oai, Thường Tín, Ứng Hòa, Mê Linh, các thành phố Hà Đông, Sơn Tây và các xã Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung. Thành phố Hà Nội phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Vĩnh Phúc; phía Nam giáp tỉnh Hà Nam và tỉnh Hòa Bình; phía Đông giáp các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên; phía Tây giáp tỉnh Hòa Bình và tỉnh Phú Thọ.

Như vậy, với bốn lần điều chỉnh địa giới hành chính, trong đó có nhập vào có tách ra, ngoài phần nhân lõi “Hà Nội - Thăng Long”, khu vực ngoại thành lại cũng có thể phân thành vài “lớp” mỏng: lớp ổn định gần nửa thế

1 Bao gồm: 1.720,36 ha diện tích tự nhiên và dân số hiện tại là 4.495 người của xã Đông Xuân, 3.457,74 ha diện tích tự nhiên và dân số hiện tại là 6.606 người của xã Tiến Xuân, 2.073,06 ha diện tích tự nhiên và dân số hiện tại là 5.875 người của xã Yên Bình, 1.532,76 ha diện tích tự nhiên và dân số hiện tại là 3.278 người của xã Yên Trung.

kỷ (bốn huyện Gia Lâm, Đông Anh, Từ Liêm, Thanh Trì) hay gần ba mươi năm (Sóc Sơn); lớp đã từng thuộc về Hà Nội (các huyện Hà Tây cũ và Mê Linh) và lớp hoàn toàn mới (mới sáp nhập về Hà Nội từ 1 tháng 8 năm 2008).

### **1.3. Lớp thứ ba: “Hà Nội - vùng”**

Quy hoạch vùng Hà Nội hay vùng Thủ đô đã được hoạch định từ nhiều năm nay. Sau nhiều điều chỉnh, bản *Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050* đã được phê duyệt ngày 5 tháng 5 năm 2008. Quy hoạch này đã xác định khá rõ ràng một số vấn đề quan trọng:

Về phạm vi lập quy hoạch: Vùng Thủ đô Hà Nội bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính Thủ đô Hà Nội và 7 tỉnh: Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam và Hoà Bình với diện tích tự nhiên khoảng 13.436 km<sup>2</sup>, bán kính ảnh hưởng từ 100 - 150 km. Phạm vi nghiên cứu bao gồm cả vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và các khu vực liên quan đến không gian phát triển kinh tế xã hội của vùng trong tầm nhìn hướng tới năm 2050.

Về tổ chức phát triển không gian vùng Thủ đô Hà Nội: Không gian vùng Thủ đô được phân thành 2 phân vùng chính: 1. Vùng đô thị hạt nhân và phụ cận; 2. Vùng phát triển đối trọng.

Vùng đô thị hạt nhân và phụ cận: vùng đô thị hạt nhân là Thủ đô Hà Nội mở rộng lựa chọn các loại hình phát triển kinh tế, kiểm soát gia tăng dân số và đất đai, hướng tập trung hình thành các trung tâm thương mại tài chính lớn của quốc gia, các khu nghiên cứu - đào tạo công nghệ cao, trung tâm văn hoá lớn. Vùng phụ cận trong phạm vi 25 - 30 km có chức năng hỗ trợ phát triển và mở rộng đô thị trung tâm, là các vùng giao thoa, lan toả sự phát triển giữa Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận. Vai trò của các khu vực này là tạo các vành đai xanh cung cấp sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm cho Thủ đô, đồng thời phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống và dịch vụ du lịch văn hoá, sinh thái v.v..

Vùng phát triển đối trọng trong phạm vi 30 - 60 km, hình thành theo 3 phân vùng lớn với các trung tâm tính lý là các hạt nhân phát triển. Vùng đối trọng phía Tây của Thủ đô Hà Nội: là Hoà Bình có địa hình bán sơn địa, cảnh quan thiên nhiên phong phú, đa dạng có nhiều tiềm năng để phát



triển các khu du lịch, nghỉ dưỡng, làng văn hoá v.v... Vùng đối trọng phía Đông và Đông Nam: bao gồm các tỉnh đồng bằng chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng sông Hồng với vùng duyên hải Bắc Bộ như: Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương và Hà Nam. Vùng này nằm trên các trục kinh tế nổi Thủ đô Hà Nội với các cảng biển Bắc Bộ, có tiềm năng phát triển nông nghiệp và công nghiệp. Vùng đối trọng phía Bắc - Đông Bắc: gồm các khu vực phía Bắc sông Hồng và dọc theo hành lang trục đường 18, chủ yếu là vùng bán sơn địa thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây có tiềm năng về quỹ đất gò đồi để hình thành các khu vực công nghiệp - dịch vụ đô thị.

Như vậy, các vấn đề về quy hoạch phát triển vùng Thủ đô, trải qua một số điều chỉnh, đã được xác định tương đối rõ ràng. Nó không thuộc không gian lãnh thổ hành chính của thành phố Hà Nội nhưng nó liên quan chặt chẽ với Hà Nội. Từ trong lịch sử, vùng Thủ đô là vành đai cận kề nhất của Thăng Long, thuộc Thăng Long tứ trấn (Kinh Bắc - Bắc Ninh; Hải Dương - Hải Dương; Sơn Nam - Hưng Yên, Hà Nam, Sơn Tây - Vĩnh Phúc) và sẽ chặt chẽ hơn trong có cấu vùng Thủ đô trong tương lai.

## 2. Một số vấn đề về nghiên cứu Hà Nội

### 2.1. Một mẫu số chung: trung tâm chính trị - hành chính quốc gia

Mỗi một không gian địa lý, lịch sử và văn hóa đều có những đặc trưng riêng hình thành trên cơ sở của hàng loạt các nhân tố. Hà Nội là một khu vực địa lý, lịch sử và văn hóa, và vì thế nó có những đặc trưng về địa lý, lịch sử và văn hóa có tính chất riêng biệt. Trong số đó, đặc trưng nhất, có ý nghĩa bao trùm của Hà Nội là *vai trò trung tâm chính trị, hành chính quốc gia* của đô thị này. Trong toàn bộ lịch sử Thăng Long - Hà Nội, nhất là từ ngày Lý Công Uẩn định đô năm 1010, Thăng Long - Hà Nội gần như liên tục đảm trách vai trò trung tâm chính trị, hành chính của đất nước<sup>1</sup>. Với tư cách kinh đô - thủ đô, trung tâm chính trị, hành chính của đất nước trong

1 Trước định đô của Lý Công Uẩn, vị trí trung tâm đất nước của Hà Nội đã sớm được nhận ra, bắt đầu từ Lý Bí giữa thế kỷ VI đến các chính quyền đô hộ Tùy Đường thế kỷ VII-IX. Từ định đô của Lý Công Uẩn, có một số gián đoạn: rất ngắn giai đoạn cuối Trần và Hồ (1397 - 1407) khi kinh đô chuyển vào Thanh Hóa (thành An Tôn hay Tây Đô), thời Tây Sơn và Nguyễn (1789 - 1945), nhưng ngay cả những khi như thế, Thăng Long - Hà Nội vẫn là một trung tâm - thủ phủ lớn của đất nước: Đông Đô khi kinh đô chính là Tây Đô thời cuối Trần và Hồ, thủ phủ Bắc Thành (Bắc Bộ) thời Tây Sơn và đầu Nguyễn, thủ phủ Bắc Kỳ và Liên bang Đông Dương thời Pháp thuộc.

hàng nghìn năm và hiện đang đảm trách vai trò này được coi là đặc điểm lớn nhất của Thăng Long - Hà Nội, từ đó sẽ dẫn đến hàng loạt các đặc điểm khác tác động đến mọi mặt của đời sống đô thị. Chẳng hạn như trong lĩnh vực quản lý và phát triển đô thị có thể thấy sự tác động của các nhân tố này ở nhiều khía cạnh:

- Là trung tâm chính trị, hành chính của đất nước, Thăng Long - Hà Nội là nơi đóng trụ sở các cơ quan trung ương của toàn bộ hệ thống chính trị và hành chính quốc gia, vì thế giữa Trung ương và địa phương luôn có sự đan xen về đối tượng quản lý. Địa phương Thăng Long - Hà Nội, dù là hạng đặc biệt, vẫn chỉ là một tầng nấc trong hệ thống hành chính quốc gia, chịu sự quản lý nhà nước của chính quyền trung ương, nhưng khác với các địa phương khác, là tính "trực tiếp" của hoạt động quản lý được thể hiện ở cả ý nghĩa về sự gần gũi của không gian như trên đã nói. Nhưng Trung ương cũng là đối tượng quản lý của địa phương Thăng Long - Hà Nội. Sự đan xen về nhiều nội dung của đối tượng quản lý - nhất là trong hai lĩnh vực đất đai và cư dân - vừa có mặt thuận lợi, vừa có mặt khó khăn cho hoạt động quản lý và phát triển đô thị. Việc phát huy cái này và hạn chế cái kia phụ thuộc vào việc xử lý hiệu quả mối quan hệ giữa Trung ương và địa phương vốn là bài toán không dễ trong toàn bộ lịch sử đô thị Thăng Long - Hà Nội.

- Nghiên cứu xử lý mối quan hệ trung ương - địa phương là vấn đề rất căn bản trong quản lý và phát triển Thăng Long - Hà Nội: Trong một quốc gia tập quyền và thống nhất, quan hệ trung ương và địa phương là quan hệ đương nhiên. Đó là mối quan hệ lan tỏa, tập trung quyền lực giữa trung ương và địa phương và ngược lại. Nhưng trường hợp đô thị trung tâm chính trị, hành chính quốc gia như Thăng Long - Hà Nội thì khác nhiều. Đó là mối quan hệ đặc biệt.

Đặc thù của Thăng Long - Hà Nội là vai trò trung tâm chính trị, hành chính quốc gia. Với vai trò đó, Thăng Long - Hà Nội là nơi đóng các cơ quan trung ương của hệ thống chính trị. Thời phong kiến là toàn bộ triều đình trung ương, nay là toàn bộ các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trên phương diện quản lý, sự đan xen giữa Trung ương và Hà Nội có thể thấy thể hiện ở tất cả các mặt của đời sống đô thị. Tựu trung lại, có thể phân biệt mối quan hệ này ở hai tuyến chính như sau:

Thứ nhất, *Hà Nội - địa phương, đối tượng quản lý đặc biệt của Trung ương*. Nhà nước Trung ương thực hiện việc quản lý đến toàn bộ các địa phương trên phạm vi cả nước bằng hệ thống hành chính mà trong lịch sử Việt Nam, từ rất sớm, đã được xây dựng theo hướng tập quyền. Tồn tại như một yêu cầu của lịch sử, chính thể trung ương tập quyền với quyền lực của mình thực hiện sự quản lý - chi phối đến tất cả các địa phương, duy trì sự ổn định và nền thống nhất đất nước. Trong lịch sử Việt Nam, đó là khuynh hướng chủ đạo. Trong một bối cảnh chung đó, Thăng Long - Hà Nội với tư cách một địa phương cũng chịu sự quản lý chặt chẽ của chính quyền trung ương như tất cả các địa phương khác. Tuy nhiên, với vai trò trung tâm chính trị, hành chính của đất nước, Thăng Long - Hà Nội là đối tượng quản lý đặc biệt của chính quyền Trung ương. Đặc biệt bởi vai trò của địa phương này đối với Trung ương và đối với cả nước, đặc biệt bởi khả năng chi phối, khống chế của Trung ương thuận lợi hơn tất cả các địa phương khác do hầu như không có cách biệt về không gian.

Thứ hai, *Trung ương cũng là một đối tượng quản lý của Thăng Long - Hà Nội*. Đứng trụ sở tại Thăng Long - Hà Nội, Trung ương (triều đình phong kiến ngày xưa và toàn bộ hệ thống chính trị ngày nay) là một phần của đời sống đô thị Thăng Long - Hà Nội, quy định tính chất đặc thù của đô thị này so với tất cả các đô thị khác còn lại. Vì thế, đương nhiên, trên nhiều phương diện, Trung ương cũng lại là đối tượng quản lý của Hà Nội, trên tất cả mọi phương diện, trong đó trước hết và chủ yếu là quản lý con người<sup>1</sup>. Thực ra thì tính chất này cũng có ở tất cả các địa phương, các đô thị do sự đan xen giữa nguyên tắc quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, nhưng không đâu rõ rệt và tập trung như ở Thăng Long - Hà Nội. Các địa phương khác chỉ chủ yếu quản lý dân cư địa phương mình, nhưng Thăng Long - Hà Nội thì phải quản lý cả bộ máy trung ương (con người) của toàn bộ hệ thống chính trị. Một nhiệm vụ nặng nề hơn bất kỳ địa phương nào, *không phải bởi quy mô dân số lớn hay bé mà bởi đặc điểm và tính chất của khối dân cư đó*<sup>2</sup>.

Giải quyết mối quan hệ trung ương và địa phương trong quản lý và phát triển Thăng Long - Hà Nội phải xuất phát từ đặc thù của mối quan

1 Chẳng hạn, một người (như một cán bộ giảng dạy Đại học Quốc gia Hà Nội), là công chức của nhà nước trung ương (thuộc Chính phủ), chịu sự quản lý của Đại học Quốc gia Hà Nội, thay mặt Chính phủ, nhưng cũng là công dân của Thủ đô Hà Nội, cũng chịu sự quản lý của Thủ đô Hà Nội.

2 Trong quá trình phát triển, có thể sẽ ra đời những đô thị có quy mô dân số lớn hơn Hà Nội, nhưng việc quản lý chưa hẳn đã phức tạp, khó khăn hơn Hà Nội.

hệ này. Nghĩa là phải trở lại với mệnh đề cơ bản: vai trò trung tâm chính trị, hành chính quốc gia của Thăng Long - Hà Nội. Quản lý là quản lý đô thị - trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, phát triển là phát triển đô thị - trung tâm chính trị, hành chính quốc gia. Theo đó, yêu cầu hay mục đích của quản lý và phát triển đô thị trong trường hợp này phải trước hết và chủ yếu là: đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các cơ quan đầu não của toàn bộ hệ thống chính trị; phát triển kinh tế - văn hóa vừa đáp ứng nhu cầu riêng vừa có khả năng tác động và sức lan tỏa mạnh mẽ ra bên ngoài (trong nước và ngoài nước) và cuối cùng, phải trở thành một mẫu mực - hình ảnh về quản lý và phát triển. Đạt tới các yêu cầu hay mục đích trên, một mình địa phương Thăng Long - Hà Nội không thể kham nổi. Từ thực tiễn lịch sử, các mệnh đề - trong đó bao gồm cả những bài học hiệu quả, hợp lý hay chưa hiệu quả, hợp lý về giải quyết mối quan hệ trung ương và địa phương trong quản lý và phát triển Thăng Long - Hà Nội bước đầu được rút ra là: lãnh đạo trung ương và địa phương phải nhận thức sâu sắc về cộng đồng trách nhiệm trong quản lý và phát triển Thăng Long - Hà Nội và phải có cơ chế để phát huy hết trách nhiệm của trung ương và địa phương trong quản lý, phát triển Thăng Long - Hà Nội. Cơ chế đó phải vừa thể hiện được tính phối hợp giữa trung ương và địa phương, vừa thể hiện được trách nhiệm cụ thể của trung ương và địa phương. Muốn thế, phải có sự phân cấp rõ ràng về trách nhiệm của Trung ương và trách nhiệm của địa phương. Không làm rõ điều này, sẽ dẫn đến một loạt bất cập:

Một là, tính không rõ ràng dẫn đến tình trạng nhập nhèm trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương. Trung ương thì cho đó là việc của địa phương, còn địa phương thì nghĩ ngược lại, rốt cuộc không đâu chịu trách nhiệm cả. Nhưng đó chưa phải là lỗi trách nhiệm, mà là lỗi cơ chế. Thời phong kiến, cứ xem xét toàn bộ hệ thống pháp luật nhà nước, từ *Quốc triều hình luật* thời Lê Thánh Tông và các văn bản pháp luật sau này, những điều luật áp dụng cho khu vực kinh thành quy định rất rõ ràng, đâu là phần việc triều đình, đâu là phần việc của địa phương và sự phối hợp giữa triều đình trung ương và chính quyền địa phương cùng trong một nhiệm vụ quản lý kinh đô.

Hai là, tính không rõ ràng dẫn đến tình trạng “đùn đẩy” trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và nhất là sự ỷ lại từ phía địa phương.

Có cả hai mặt của cùng một vấn đề. Trước hết là xuất phát từ cơ chế, địa phương không thể hiện tính chủ động của mình mà thường trông chờ vào Trung ương, nhưng tiêu cực hơn, là thái độ “e ngại” đối với Trung ương. Sự thực là bao giờ cũng thế, gần Trung ương luôn có tính hai mặt. Chắc chắn sẽ có “được” sự “che chở” của Trung ương, nhưng cũng chắc sẽ luôn luôn “bị” sự “giám sát” của Trung ương.

*Do đó, giải quyết hợp lý và hiệu quả mối quan hệ trung ương và địa phương trong quản lý và phát triển Thăng Long - Hà Nội phải xuất phát từ nhận thức về tính đặc thù của đô thị này, từ đó mà có nhận thức sâu sắc về cộng đồng trách nhiệm một cách cụ thể và trực tiếp giữa Trung ương và địa phương, trên cơ sở đó xây dựng cơ chế phát huy hết trách nhiệm của Trung ương và địa phương - bao gồm cả những lợi thế đặc biệt của Thăng Long - Hà Nội trong quan hệ với Trung ương đáp ứng các yêu cầu và mục đích về quản lý và phát triển đô thị trung tâm chính trị, hành chính quốc gia.*

- Nghiên cứu xử lý mối quan hệ giữa Thăng Long - Hà Nội với cả nước cũng là vấn đề rất căn bản trong quản lý và phát triển Thăng Long - Hà Nội. Trên thực tế, ở các mức độ khác nhau, giữa các địa phương luôn có mối quan hệ nhất định. Thời trung đại hoặc trong điều kiện giao thông và thông tin liên lạc chưa phát triển, đó là mối quan hệ giữa các địa phương gần gũi về mặt địa lý. Về sau này, khi giao thông và thông tin liên lạc phát triển, nhất là trong thời đại cách mạng thông tin như hiện nay, mối quan hệ đó ngày càng được mở rộng, vượt khỏi giới hạn về khoảng cách địa lý. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa các địa phương hoặc chỉ dừng lại trong một phạm vi không gian nhất định (thời trung đại), hoặc xuất phát từ những lợi ích cụ thể (thời cận hiện đại) chứ không mang tính phổ biến, hoặc ràng buộc tự nhiên vì lợi ích riêng cũng như lợi ích của toàn bộ quốc gia - dân tộc

Quan hệ giữa Thăng Long - Hà Nội, ngược lại, với tư cách một địa phương đặc biệt đóng vai trò trung tâm chính trị, hành chính của đất nước, với tất cả địa phương trên toàn quốc, là mối quan hệ phổ biến, ràng buộc tự nhiên, gắn liền với sự tồn tại và phát triển của toàn bộ quốc gia - dân tộc và của từng địa phương cụ thể. Quan hệ đó vừa mang tính hướng tâm (quy tụ về Thăng Long - Hà Nội), vừa mang tính lan tỏa (chi phối từ Thăng Long - Hà Nội). Với ý nghĩa như vậy, Thăng Long - Hà Nội là đầu mối của sự hình thành mối liên kết quốc gia và thống nhất dân tộc. Vì thế, trong

quan hệ với các địa phương trên toàn quốc, Thăng Long - Hà Nội vừa phải xây dựng mối quan hệ với từng địa phương cụ thể, vừa phải đóng vai trò liên kết giữa các địa phương với nhau.

## 2.2. Các góc nhìn nghiên cứu Hà Nội

Trên đã phân tích, Hà Nội hiện nay là sự tích hợp của cả ba lớp. Nghiên cứu Hà Nội, trên phương diện lịch sử - văn hóa hay phát triển đều phải xác định rõ thực tế này.

### 2.2.1. Nghiên cứu đô thị Thăng Long - Hà Nội

Nhân lõi của Hà Nội là “lớp” “Hà Nội - Thăng Long” thì nghiên cứu Hà Nội, nhất là trên phương diện lịch sử - văn hóa, cũng sẽ tập trung ở khu vực này. Với lịch sử hàng ngàn năm, với vai trò trung tâm chính trị - hành chính của đất nước rồi phát triển thành trung tâm kinh tế, trung tâm văn hóa, Hà Nội là nơi diễn ra, nơi chứng kiến, nơi khởi đầu của hầu hết những sự kiện lịch sử lớn của đất nước, của dân tộc, nơi hội tụ, kết tinh và lan tỏa của văn hóa Việt Nam. Có thể nói, trên một ý nghĩa nhất định, đó là hình ảnh của lịch sử và văn hóa dân tộc.

Nhưng trong chính “lớp” “Hà Nội - Thăng Long” này lại cũng cần phải phân lập thành các tiểu khu vực gắn với vị trí, với vai trò và chức năng cụ thể của nó trong đời sống đô thị. Chúng ta biết, với tư cách kinh đô, quy hoạch truyền thống của Thăng Long - Hà Nội ngay từ đầu đã phân thành hai khu vực chính trị - hành chính và kinh tế - dân gian và về cơ bản nó ổn định trong suốt chiều dài của lịch sử đô thị này<sup>1</sup>. Hơn một nghìn năm hay gần một nghìn năm là quãng thời gian đủ để định hình các đặc trưng riêng cho từng khu vực đó. Các tiểu khu vực nổi bật có thể thấy:

**Hồ Tây và vùng phụ cận:** Đây là một tiểu vùng vừa gắn bó hữu cơ với đô thị Thăng Long - Hà Nội vừa mang những sắc thái riêng. Về cơ bản, khu vực này nằm ngoài thành Đại La, nghĩa là ngoại thành, nhưng vẫn kề sát với khu trung tâm chính trị - hành chính và khu kinh tế - dân gian số một của Thăng Long - Hà Nội. Nó đủ gần để thu nhận các yếu tố của văn hóa đô thị Thăng Long - Hà Nội, nhưng vẫn là những làng xã ven đô để bảo lưu các truyền

---

1 Khu vực chính trị - hành chính về đại thể nằm trong thành Hà Nội thời Nguyễn, có thể dịch sang phía Tây, nay tương đương với khu trung tâm chính trị - hành chính Ba Đình. Khu kinh tế - dân gian là các không gian bao bọc: phía bắc - tây bắc là Hồ Tây và vùng phụ cận; phía đông là khu Phố cổ.

thống văn hóa nông thôn. Mặt khác, trong khi khu vực nội đô luôn diễn ra những sự xáo trộn, nhất là về mặt dân cư, thì khu vực vùng ven Hồ Tây luôn có sự ổn định tương đối. Rất khó có thể tìm được một gia đình, một dòng họ nhiều trăm năm ở khu vực Phố cổ, nhưng lại không hiếm, thậm chí hơn thế nữa, ở vùng ven Hồ Tây. Trên một ý nghĩa nhất định, nghiên cứu vùng ven Hồ Tây, nhất là trên phương diện văn hóa, cũng chính là tìm ra hình ảnh của văn hóa Thăng Long - Hà Nội trong sự kết hợp giữa yếu tố nông thôn và thành thị, truyền thống và hiện đại

**Khu vực Phố cổ:** Đây cũng là đối tượng cần phải tập trung nghiên cứu. Phố cổ Hà Nội là một không gian lịch sử có bề dày thời gian tính bằng thiên niên kỷ. Một di sản văn hoá, bao giờ cũng thế, luôn là sự kết hợp của hai mặt vật thể và phi vật thể. Có khi nặng mặt này, có khi nặng mặt kia. Mặt vật thể của Phố cổ Hà Nội, trước hết và chủ yếu là kiến trúc cổ, không thật đậm. Trái lại, mặt phi vật thể của Phố cổ Hà Nội, biểu hiện trên tất cả các mặt, lại rất đậm, rất giàu, rất phong phú, làm nên cái hồn, phần hồn của không gian lịch sử - văn hoá này. Chính bởi thế mà, mặc dù Phố cổ Hà Nội không có thật nhiều công trình kiến trúc cổ, nhất là nhà cổ, có tuổi vài thế kỷ, nhưng một *Phố cổ Hà Nội* lại vẫn mặc nhiên hiện hữu, trong người Hà Nội, người Việt Nam và bạn bè quốc tế. Trong những nhân tố làm nên cái hồn, phần hồn của không gian Phố cổ Hà Nội thì lịch sử là phần quan trọng vào bậc nhất. Lịch sử khu vực Phố cổ Hà Nội dài bằng lịch sử đô thị này. Có nghĩa là, nó hình thành, phát triển và tồn tại từ điểm khởi đầu của quá trình đô thị hoá, có thể từ thuở Tống Bình - Đại La thời Bắc thuộc, nhưng rõ nhất, chắc chắn nhất, là ngay sau ngày Lý Công Uẩn định đô. Trong kết cấu đô thị Thăng Long - Hà Nội, hai khu vực hành chính - quan liêu và kinh tế - dân gian đôi khi có sự co giãn, nhưng nhân lõi của nó thì hầu như không thay đổi. Đối với khu vực hành chính - quan liêu, nhân lõi đó là trung tâm thành Hà Nội thời Nguyễn. Đối với khu vực kinh tế - dân gian, nhân lõi đó là Phố cổ. Hàng nghìn năm lịch sử với biết bao biến cố thăng trầm, Phố cổ dẫn mình cùng Thăng Long - Hà Nội, trong xây dựng, trong chiến đấu. Di sản Phố cổ Hà Nội được làm bằng, được tạo nên bằng và hấp dẫn bằng từng trang lịch sử đó.

### 2.2.2. Nghiên cứu "vùng Hà Nội" hay "vùng Thủ đô"

Đây là vấn đề hết sức cấp thiết, mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đối với vùng Thủ đô, trong lịch sử, quan hệ giữa Thăng Long - Hà Nội với tứ trấn

đã để lại nhiều bài học về quản lý và phát triển. Ngày nay, trước sức ép đô thị hoá, nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra đòi hỏi phải lập định chính sách quản lý trên quy mô Vùng Thủ đô, tổ chức bộ máy quản lý Vùng Thủ đô gắn với cơ chế tương ứng. Chỉ trên cơ sở đó mới đảm bảo các chính sách địa phương (trong vùng thủ đô) không đối lập với chính sách vùng (Thủ đô); tổ chức bộ máy quản lý vừa điều hành đảm bảo sự thống nhất chính sách giữa các địa phương trong thực hiện các mục tiêu, quy hoạch chung toàn vùng; vừa phát huy quyền tự chủ của mỗi địa phương trong giải quyết những vấn đề của địa phương. Đây là những vấn đề lớn. Trên phương diện khoa học, cần phải có một Viện nghiên cứu khoa học Vùng Thủ đô tầm quốc gia để giải quyết các vấn đề này.